

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **622/2019/HSST**

Ngày: 31/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa

Ông Phạm Doãn Đức

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại Hội trường 02, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 628/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 622/2019/QĐXXST-HS ngày 16/12/2019 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Hoài N**, sinh năm 1993:

Nơi cư trú: KP1, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1962; Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 04 anh chị em; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: không.

Tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ ngày **22/10/2019** và chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 483/CSĐT-HS ngày 28/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 257, tổ 42, KP9, phường Tân Phong, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ 9B, KP1, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoài N và chị Vũ Thị L có quen biết với nhau. Do cần tiền trả nợ nên khi biết chị L đang có nhu cầu xin việc làm, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Wave S, biển số 60B9-246.55 của chị L, bán lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định trên, vào khoảng tháng 12 năm 2014, N giả vờ nói với chị L sẽ xin cho chị L vào bán hàng tại siêu thị Co.op Mart thuộc phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2014, N nói chị L đi cùng đến siêu thị Co.op Mart để nhận đồng phục chuẩn bị vào đi làm. Đến nơi, N đưa xe của chị L vào gửi tại bãi giữ xe ở tầng hầm của siêu thị rồi giữ chìa khóa xe và thẻ xe trên người, sau đó N dẫn chị L lên lầu 1 của siêu thị và tiếp tục giả vờ nói chị L đứng đợi để N đi lấy đồng phục cho chị L. Sau đó, N xuống bãi giữ xe lấy xe mô tô trên của chị L đem đi bán cho tiệm sửa xe mô tô (không nhớ tên tiệm và địa chỉ cụ thể) khu vực thuộc phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa được số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và bỏ trốn. Chị L chờ không thấy N quay lại, gọi điện thoại cho N không liên lạc được, chị L đi xuống bãi giữ xe của Siêu thị thì không tìm thấy xe nên đã trình báo sự việc cho Công an phường Tân Tiến lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý.

Đến ngày 22 tháng 10 năm 2019, chị L phát hiện được N đang ở tại khu vực thuộc khu phố 1, phường Trảng Dài nên đã trình báo Lực lượng Cảnh sát 113 bắt giữ N, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Ngày 28 tháng 10 năm 2019, N đã bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave S, biển số 60B9-246.55 của chị L, sau khi chiếm đoạt bị cáo N đã bán cho tiệm sửa xe, không xác định được địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 60F2-266.25, thu giữ của bị cáo N, là tài sản của chị Nguyễn Thị Thanh Th là chị ruột của bị cáo N. Chị Th cho bị cáo N mượn và không biết việc bị cáo N sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho chị Th.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 338/TCKH-HĐĐG ngày 11/3/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Wave S, biển số 60B9-246.55, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 80%, trị giá 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng)”.

Về dân sự: Bị hại là chị Vũ Thị L đã nhận số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) do chị Nguyễn Thị Thanh Th là chị ruột của bị cáo N bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 626/CT-VKS-HS ngày 28/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoài N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 01 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01, Điều 139; điểm b, p khoản 01 Điều 46 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo N từ 10

tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, bị hại chị L đã nhận lại số tiền bồi thường là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào tháng 12 năm 2014, lợi dụng sự quen biết giữa N và chị Vũ Thị L, bằng thủ đoạn gian dối là bảo có khả năng xin việc cho chị L, bị cáo N đã tiếp cận và chiếm đoạt tài sản của chị L là 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave S, biển số 60B9-246.55, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 80%, trị giá 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Thời điểm xảy ra hành vi vào năm 2014 nên đủ cơ sở cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 01 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo là người đã thành niên, đủ sức khỏe, mong muốn có tiền để tiêu xài nhưng lười lao động. Tuy bị cáo biết việc lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội, trên cơ sở Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết, tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã cùng gia đình bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b; p khoản 01, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định pháp luật. Bị hại là chị Vũ Thị L đã nhận số tiền 12.500.000đ là tiền gia đình bị cáo và bị cáo bồi thường nên không có yêu cầu gì khác nên không xét. Đối với số tiền 12.500.000đ chị Nguyễn Thị Thanh Th xác định là một phần của bị cáo và một phần của gia đình cho bị cáo để bồi thường nên không có yêu cầu gì, nên không xét.

[3]. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo xác định không bị ép cung hay dùng nhục hình, lời khai của các bị cáo là chính xác và hoàn toàn tự nguyện. Đối chiếu các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 135, 136, 288, 289, 292, 298, 299 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Áp dụng khoản 01, Điều 139; điểm b, p khoản 01 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoài N** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày **22/10/2019**.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hoài N phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm hình sự xử công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Công an Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; bị hại; Người liên quan
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thìn – Trần Văn Chánh

Đỗ Minh Nhựt